

Bản án số: 17/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 04-5-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Úy; bà Vũ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2018/TLST-. HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/3/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Xóm 7, xã A, huyện N, tỉnh H - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T - Sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Xóm 5, xã A, huyện N, tỉnh H - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Xuân T kết hôn vào ngày 05/11/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh H. Sau ngày kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời lêu đẽ, không chịu làm ăn bỏ bê công việc, không quan tâm đến vợ con. Chị có khuyên ngăn nhưng anh T không nghe còn uống rượu đánh đập chị và đập phá đồ đạc, khi tỉnh rượu anh có xin lỗi và hứa sau này sẽ không tái phạm, chị nghĩ đến tình cảm vợ chồng nên đã cho anh cơ hội nhưng chỉ được 1 thời gian anh lại tính nào tật nấy. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Vì không tìm được tiếng nói chung nên chị đã bế con về ngoại ở được gần 4 năm nay. Nay chị thấy tình cảm

không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, chỉ yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con: Chị T và anh T có 01 con chung là: Nguyễn Thị Thu Tr - Sinh ngày 01/11/2008. Hiện cháu đang ở với chị. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm được trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/02/2018 và phiên hòa giải ngày 21/02/2018, ngày 20/3/2018, bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Ngày tháng năm kết hôn, cơ sở kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau ngày kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian đầu vợ chồng anh làm ở nhà, sau đó đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan, anh đi vào tháng 12/2012, còn chị T đi tháng 9/2013, đến năm 2015 thì anh về nước vì bố anh bệnh nặng sắp mất, còn chị T vẫn ở lại làm. Thời gian đầu vợ chồng anh vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, đến tháng 8/2016, khi chị T sắp về nước thì có thông báo cho anh là không ở được với nhau nữa và bảo anh đi kiếm người khác, anh có động viên chị T nên vun vén gia đình, chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng chị T vẫn cố tình đòi ly hôn. Hiện nay anh và chị T đã về nước, anh khuyên bảo nhưng chị T không nghe nhất định đòi ly hôn anh nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T nên muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, còn nếu chị T nhất quyết đòi ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con: Anh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như chị T khai, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản nhưng anh trình bày vợ chồng anh có những tài sản chung sau:

- 01 cửa hàng sửa chữa, buôn bán điện thoại trước khi đi Đài Loan anh để cho vợ tiếp quản, hiện không còn.

- Khi anh đi xuất khẩu lao động có gửi tiền về cho vợ thì vợ và bố mẹ vợ có mua một mảnh đất của chị vợ là Phạm Thị Kh ở xóm 5, xã A, huyện N, tỉnh H diện tích là 100m² với giá 100.000.000đ.

- Sau khi vợ anh sang Đài Loan làm, hai vợ chồng có gửi tiền về nhờ ông bà ngoại giữ hộ, đến năm 2016 khi anh về thì mẹ vợ anh có nói là mua hộ cho vợ chồng anh mảnh đất diện tích 200m² với giá 380.000.000đ ở xóm 6, xã A, huyện N, tỉnh H.

Tất cả những tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng, anh yêu cầu chia theo quy định của pháp luật vì trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ tháng 12/2012 đến tháng 02/2015, tổng thu nhập trong khoảng thời gian đó là 207.190 Đài tệ x 670.000đ/1.000 Đài tệ = 138.817.000đ (có 02 tháng anh không gửi về là tháng tháng 12/2012 và tháng 01/2013). Anh khai rằng toàn bộ số

tiền trên anh gửi về cho chị T được 7 tháng và còn lại khi chị T sang bên đó làm thì anh đưa hết cho chị T gửi về.

Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh Nguyễn Xuân T vẫn đề nghị phân chia tài sản của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Ngày 26/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn ra Thông báo số 02/TB-TA về việc cung cấp các tài liệu chứng cứ của yêu cầu cho anh T. Tuy nhiên, hết thời hạn theo quy định anh T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu về tài sản cho Tòa án mà đến ngày 20/3/2018 hòa giải lần 2 anh có xuất trình cho Tòa án Bảng chi tiết tiền lương trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ tháng 12/2012 đến tháng 02/2015 (26 tờ, thiếu 2 tờ của tháng 6/2013 và tháng 02/2015). Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, còn tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T về yêu cầu xin ly hôn và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Ngày 11/4/2018, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh T vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên theo quy định khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Xuân T kết hôn ngày 05/11/2007, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con và còn chửi bới đánh đập chị T. Mặt khác, có một thời gian anh chị làm ở xa nhau nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, dẫn đến, anh chị sống ly thân nhau gần 4 năm nay, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được anh chị cũng như gia đình hòa giải nhưng không được. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn anh T, anh T thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn anh muốn vợ chồng

đoàn tụ để chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng chị T nhất quyết yêu cầu xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý. HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và anh T đều thừa nhận có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu Tr - Sinh ngày 01/11/2008, hiện cháu đang ở với chị T. Cả chị T và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ý kiến của cháu Tr là nếu bố mẹ cháu không ở với nhau thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì ở với mẹ rất tốt.

HĐXX thấy, nguyện vọng yêu cầu được nuôi con của hai bên đương sự đều phù hợp, tuy nhiên cháu Tr là con gái cùng giới tính chị T, hiện cháu đang ở với mẹ rất tốt và cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, để tránh xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt của cháu, nên xử giao cháu Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu.

Về mức cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn là chị Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết, còn bị đơn anh Nguyễn Xuân T có khai vợ chồng có một số tài sản chung, anh yêu cầu chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bị đơn: Tòa án đã ra Thông báo số 02/TB-TA ngày 20/02/2018 yêu cầu anh T cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của anh trong thời hạn quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T không cung cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các tài liệu, chứng cứ khác liên quan đến 02 mảnh đất mà anh đang yêu cầu; về cửa hàng điện thoại thì cả anh T và chị T đều thừa nhận hiện không còn. Ngày 20/3/2018, Tòa án tiến hành hòa giải lần 2 thì anh T có xuất trình cho Tòa án Bảng chi tiết tiền lương (phô tô không có công chứng, chứng thực) trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ tháng 12/2012 đến tháng 02/2015 (26 tờ, thiếu 2 tờ của tháng 6/2013 và tháng 02/2015). Anh khai rằng, tổng thu nhập trong khoảng thời gian đó là 207.190 Đài tệ x 670.000đ/1.000 Đài tệ = 138.817.000đ (có 02 tháng anh không gửi về là tháng 12/2012 và tháng 01/2013). Toàn bộ số tiền trên anh gửi về cho chị T được 7 tháng, còn lại khi chị T sang bên đó làm thì anh đưa hết cho chị T gửi về. Còn chị T thừa nhận là anh T có gửi tiền về nhưng chỉ gửi khoảng 104.000.000đ, nên chưa đủ để chị trả số tiền vay để hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động. Như vậy, việc anh T xuất trình Bảng thu nhập tiền lương trong thời gian anh đi lao động xuất khẩu không đủ căn cứ chứng minh anh có gửi số tiền đó cho chị T để chị T gửi về mua đất hay không, nên chưa đủ cơ sở để khẳng định vợ chồng anh có những tài sản như anh đã yêu cầu. Do đó, yêu cầu của anh T không thuộc quy định tại Điều 200 của BLTTDS (Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn) nên không đủ cơ sở để HĐXX xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Khi nào anh T có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh về tài sản chung của vợ chồng thì anh T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T, cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Thu Tr - Sinh ngày 01/11/2008 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung sau khi ly hôn cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002663 ngày 19/01/2018 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; chị T đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh T. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã A, huyện N;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyền

